

Bản án số: 44/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 23/9/2024
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trương Thị Hương;

2/ Bà Trần Thị Hội.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lý Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2024/TLST- HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 26/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 166/2024/QĐST- HNGĐ, ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1991; địa chỉ: Đường Lý Nam Đế, thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Văn Minh H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Hội An 2, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

(Nguyên đơn có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2024 và các lời khai tại Tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị S trình bày:

Chị và anh Văn Minh H là vợ chồng theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 92 do UBND xã T, huyện L, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04/7/2022, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, anh Hg bỏ về quê Đ sinh sống và chặn mọi liên lạc với chị nên hơn một năm nay chị và anh H không sống chung với nhau, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, chị không muốn duy trì cuộc

sống hôn nhân với anh H được nữa nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Đ cho chị được ly hôn anh H

Về con chung: Chị S trình bày, trong thời kỳ hôn nhân chị và anh H không có con chung;

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Văn Minh H: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H không đến Tòa, không trình bày ý kiến.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của pháp luật; riêng bị đơn thực hiện không đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị HĐXX cho chị S được ly hôn anh H về con chung; tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn Văn Minh H; cư trú tại: Thôn Hội An 2, xã P thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đ.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn là anh Văn Minh H các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 175 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù, anh H biết Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn mà anh là bị đơn nhưng anh vắng mặt và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh. Anh H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn Văn Minh H đã được Tòa án triệu tập họp hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại

phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Sáu và anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Văn Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại xã T, huyện L, tỉnh Bình Thuận vào năm 2022. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị S: Chị S cho rằng cuộc sống hôn nhân của chị và anh H không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi và hiện tại anh chị đã ly thân, phân ai nấy sống; chị S yêu cầu ly hôn nhưng anh H không đến Tòa và không có ý kiến gì, có ý bỏ mặc. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh H và chị S đã trở nên trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị S là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị S trình bày trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị không có con, không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S trình bày đều không có, không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, chị S phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng chị S đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đồng nên được khấu trừ xong.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 235, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Văn Minh H.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002681 ngày 22/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi nên được khấu trừ xong.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đ;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã xã T, huyện L,
tỉnh Bình Thuận
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Vân

